

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN U MINH
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 18/2024/DS-ST

Ngày: 28-02-2024

V/v: “Tranh chấp tiền hụi”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U MINH, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Hồng Nghi.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đỗ Minh Lắm.

Ông Đoàn Thảo Nhi.

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Như Ý là Thư ký Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.

Ngày 28 tháng 02 năm 2024, tại Tòa án nhân dân huyện U Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 366/2023/TLST-DS ngày 06 tháng 12 năm 2023 về việc “Tranh chấp tiền hụi” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2024/QĐXXST-DS ngày 17 tháng 01 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Phạm Thị L, sinh năm 1962 (có mặt).

Nơi cư trú: Ấp 10, xã K, huyện U, tỉnh C.

Bị đơn: Ông Trần Vĩnh T1, sinh năm 1972 (có mặt).

Bà Tôn Kim T2, sinh năm 1975 (có mặt).

Cùng nơi cư trú: Ấp 20, xã N, huyện U, tỉnh C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện và tại phiên tòa bà Phạm Thị L trình bày: Trước đây bà có mở một số dây hụi loại hụi 1.000.000 đồng và 2.000.000 đồng. Vợ chồng ông Trần Vĩnh T1 và bà Tôn Kim T2 có tham gia chơi hụi 1.000.000 đồng 02 chung 02 dây, hụi 2.000.000 đồng 02 chung 02 dây. Ông T1, bà T2 đã hốt hụi nhưng sau đó không đóng hụi, vợ chồng ông T1 và bà T2 bỏ đi khoảng 02 năm mới quay về, hụi hiện nay đã mất. Sau đó giữa bà với vợ chồng ông T1, bà T2 có chốt hụi thì ông T1 và bà T2 còn nợ lại số tiền 70.000.000 đồng. Ông T1, bà T2 có

trả thêm được 8.000.000 đồng. Hiện nay, vợ chồng ông T1, bà T2 còn nợ số tiền 62.000.000 đồng, bà yêu cầu ông T1 và bà T2 trả cho bà 62.000.000 đồng

** Tại biên bản hòa giải ngày 08/11/2023 và tại phiên tòa ông Trần Vĩnh T1 trình bày:* Trước đây vợ chồng ông có tham gia chơi hụi do bà Phạm Thị L làm chủ. Hiện nay, vợ chồng ông còn nợ lại bà L số tiền 42.000.000 đồng. Nay bà L yêu cầu trả số tiền 62.000.000 đồng ông không đồng ý, đồng ý trả cho bà L 42.000.000 đồng.

** Tại biên bản hòa giải ngày 08/11/2023 và tại phiên tòa bà Tôn Kim T2 trình bày:* Bà thống nhất theo ý kiến của chồng bà là ông Trần Vĩnh T1, đồng ý trả cho bà L số tiền 42.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Bà Phạm Thị L khởi kiện yêu cầu ông Trần Vĩnh T1 và bà Tôn Kim T2 cùng nơi cư trú: Ấp 20, xã N, huyện U, tỉnh C . trả số tiền hụi còn nợ. Xét đây là quan hệ dân sự về việc tranh chấp tiền hụi nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2]. Về nội dung: Bà Phạm Thị L trình bày trước đây bà có mở hụi loại 1.000.000 đồng và 2.000.000 đồng, vợ chồng ông Trần Vĩnh T1 và bà Tôn Kim T2 có tham gia chơi hụi do bà L làm chủ và bà T2, ông T1 đã hót hụi nhưng sau đó ông T1, bà T2 bỏ địa phương đi không đóng hụi cho bà L. Ông Trần Vĩnh T1 và bà Tôn Kim T2 thừa nhận có tham gia chơi hụi do bà L làm chủ nên việc chơi hụi giữa bà L với ông T1, bà T2 là thực tế có xảy ra. Bà L xác định giữa bà L với ông T1, bà T2 sau khi hụi lẫn hai bên có gặp nhau để chốt hụi thì số tiền mà ông T1, bà T2 còn thiếu là 70.000.000 đồng nhưng sau đó ông T1, bà T2 có trả cho bà L được 8.000.000 đồng, hiện ông T1 và bà T2 còn nợ bà L 62.000.000 đồng. Ông Trần Vĩnh T1 và bà Tôn Kim T2 xác định còn nợ hụi của bà L nhưng còn nợ 42.000.000 đồng chứ không phải 62.000.000 đồng như bà L trình bày. Ông T1, bà T2 đồng ý trả cho bà L số tiền 42.000.000 đồng. Mặc dù, bà L xác định giữa bà L với ông T1, bà T2 có chốt hụi với nhau và ông T1, bà T2 còn nợ số tiền hụi là 62.000.000 đồng. Phía, ông T1 và bà T2 không thừa nhận có việc chốt hụi và nợ số tiền 62.000.000 đồng mà chỉ nợ 42.000.000 đồng. Đồng thời, bà L không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng

minh việc ông T1 và bà T2 còn nợ số tiền hui là 62.000.000 đồng. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án ông T1 và bà T2 thừa nhận còn nợ hui của bà L 42.000.000 đồng nên yêu cầu của bà L có cơ sở chấp nhận.

Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu của bà Phạm Thị L về việc yêu cầu ông Trần Vĩnh T1 và bà Tôn Kim T2 trả tiền hui còn nợ. Buộc ông Trần Vĩnh T1 và bà Tôn Kim T2 có nghĩa vụ thanh toán cho bà Phạm Thị L số tiền hui là 42.000.000 (Bốn mươi hai triệu) đồng.

[3]. Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch bà Phạm Thị L được miễn theo quy định. Ông Trần Vĩnh T1 và bà Tôn Kim T2 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 2.100.000 đồng.

[4]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 271, Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Áp dụng khoản 2 Điều 468, Điều 471 của Bộ luật Dân sự; Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 02 năm 2019 của Chính phủ về hui, họ, biểu, phùng; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận một phần yêu cầu của bà Phạm Thị L về việc yêu cầu ông Trần Vĩnh T1 và bà Tôn Kim T2 trả tiền hui còn nợ. Buộc ông Trần Vĩnh T1 và bà Tôn Kim T2 có nghĩa vụ thanh toán cho bà Phạm Thị L số tiền hui là 42.000.000 (Bốn mươi hai triệu) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch bà Phạm Thị L được miễn theo quy định. Ông Trần Vĩnh T1 và bà Tôn Kim T2 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 2.100.000 đồng.

Bản án sơ thẩm bà Phạm Thị L, ông Trần Vĩnh T1, bà Tôn Kim T2 có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện U Minh;
- Chi cục THADS huyện U Minh;
- TAND tỉnh Cà Mau;
- Lưu hồ sơ, văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hồng Nghi